

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

MST: 0900613295

===== * * * =====

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III
NĂM 2022**

Năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		551,036,371,108	518,900,611,267
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	780,887,303	8,614,078,932
1. Tiền	111		780,887,303	4,196,314,014
2. Các khoản tương đương tiền	112			4,417,764,918
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		210,608,821,822	209,205,525,815
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	179,068,216,185	175,023,834,795
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	37,232,277,587	28,595,790,691
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	344,256,004	11,425,487,004
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(6,035,927,954)	(5,839,586,675)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	336,725,780,485	299,039,607,158
1. Hàng tồn kho	141		349,521,817,247	299,039,607,158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(12,796,036,762)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,920,881,498	2,041,399,362
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	212,956,960	144,158,603
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,650,957,873	1,840,274,094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		56,966,665	56,966,665
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178,869,783,143	176,459,580,295
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b		

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		58,601,684,762	63,727,436,271
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	49,782,471,132	61,702,179,686
- Nguyên giá	222		117,433,673,373	130,764,633,245
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(67,651,202,241)	(69,062,453,559)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		8,819,213,630	2,025,256,585
- Nguyên giá	225		13,055,165,168	4,860,615,825
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(4,235,951,538)	(2,835,359,240)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	56,654,844,987	56,654,844,987
- Nguyên giá	231		56,654,844,987	56,654,844,987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	10,101,641,969	2,451,109,086
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10,101,641,969	2,451,109,086
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	53,003,533,569	53,003,533,569
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		53,003,533,569	53,003,533,569
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		508,077,856	622,656,382
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	508,077,856	622,656,382
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		729,906,154,251	695,360,191,562

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		362,869,914,853	334,633,825,934
I. Nợ ngắn hạn	310		359,363,664,853	334,015,075,934
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	150,936,950,720	107,056,544,423
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	7,732,791,182	431,788,960
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	17,487,741,428	13,825,737,014
4. Phải trả người lao động	314		373,316,375	251,960,003
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	95,815,538	255,388,716
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	38,924,542,000	32,480,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	143,572,894,760	211,921,563,968
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239,612,850	239,612,850
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,506,250,000	618,750,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		3,506,250,000	618,750,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		367,036,239,398	360,726,365,628
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	367,036,239,398	360,726,365,628
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280,499,680,000	280,499,680,000
- Ngân sách	411A		-	-
- Tự bổ sung	411B		280,499,680,000	280,499,680,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		556,025,698	556,025,698
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85,980,533,700	79,670,659,930
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		78,660,979,450	18,107,451,055
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7,319,554,250	61,563,208,875
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		729,906,154,251	695,360,191,562

Hưng Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu


 Trần Thị Hải

Kế toán trưởng


 KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Trần Thị Hồng Khang

Chủ tịch HĐQT




 CHỦ TỊCH HĐQT
 Trần Thị Hải Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Quý 3 năm 2022

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		10,194,304,154	48,458,592,227
2. Điều chỉnh cho các khoản		35,073,038,178	17,288,767,565
+ Khấu hao tài sản cố định		6,645,596,446	4,545,910,626
+ Các khoản dự phòng		12,992,378,041	
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		(62,731,577)	112,277,800
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		15,497,795,268	12,630,579,139
+ Chi phí lãi vay			
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		45,267,342,332	65,747,359,792
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(10,096,525,202)	(158,898,636,142)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(50,482,210,089)	(75,082,526,862)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả		88,356,129,789	198,304,400,994
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		45,780,169	282,035,800
- Tiền lãi vay đã trả		(15,525,270,997)	(12,630,579,139)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(884,724,657)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			168,000,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		57,565,246,002	17,005,329,786
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		62,731,577	(1,588,431,687)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác			(1,762,225,450)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản DH khác		-	94,600,000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		62,731,577	79,193,763
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(65,461,169,208)	(7,192,656,163)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
2. Tiền trả lại vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành		434,703,755,724	395,513,021,341
3. Tiền thu từ đi vay		(495,992,250,589)	(394,189,931,004)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4,172,674,343)	(618,750,000)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			(7,896,996,500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7,833,191,629)	8,224,241,936
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8,614,078,932	2,413,161,764
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		780,887,303	10,637,403,700

Hưng Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2022


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT


Đào Thị Hồng


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Hồng Khang


CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUỐC TẾ
PHƯƠNG ANH
T. HƯNG YÊN
T. X. MỸ HÒA - T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH HĐQT
Hà Thị Hải Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, P. Phùng Chí Kiên, Thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2022

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý III năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	252,372,779,462	243,572,615,891	765,119,869,696	833,688,916,548
2. Các khoản giảm trừ	02			2,227,615		190,094,095
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		252,372,779,462	243,570,388,276	765,119,869,696	833,498,822,453
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	243,682,315,199	206,266,434,943	733,213,905,567	765,937,921,640
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8,690,464,263	37,303,953,333	31,905,964,129	67,560,900,813
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12,674,668	1,804,219	62,731,577	79,193,763
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,980,808,978	3,920,405,535	15,604,234,910	13,065,485,436
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,980,808,978	3,920,405,535	15,497,795,268	12,630,579,139
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	508,983,413	369,315,529	1,450,665,832	1,263,300,718
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,601,793,090	639,157,188	4,249,447,777	4,397,038,119
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1,611,553,450	32,376,879,300	10,664,347,187	48,914,270,303
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5,327,842	62,869,184	8,204,561,407	73,459,040
12. Chi phí khác	32	VI.8	147,709,508	91,318,475	8,674,604,440	529,137,116
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(142,381,666)	(28,449,291)	(470,043,033)	(455,678,076)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,469,171,784	32,348,430,009	10,194,304,154	48,458,592,227
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	323,376,258	6,503,728,742	2,808,749,904	9,808,491,454
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1,145,795,526	25,844,701,267	7,385,554,250	38,650,100,773

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, P. Phùng Chí Kiên, Thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính
Quý III năm 2022

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19e	40.85	921.38	263.30	1,515.69
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10				

Hung Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu


Trần Thị Hải Vân

Kế toán trưởng


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Hồng Nhung

Chủ tịch HĐQT



CHỦ TỊCH HĐQT

Hải Thị Hải Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 3 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn các loại sắt thép.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 40 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua. Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TIỀN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	24.922.386	689.924.454
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	755.964.917	3.506.389.560
Các khoản tương đương tiền		4.417.764.918
Cộng	780.887.303	8.614.078.932

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	179.068.216.185	4.730.064.088	175.023.834.795	
Công ty TNHH tư vấn và thương mại Đại An	3.576.339.181			
Công ty TNHH thương mại tư vấn C.H	23.590.790.505			
Công ty TNHH thương mại dịch vụ D.N.G	8.034.499.449			
Công ty cổ phần đầu tư BĐS Bắc Giang	33.947.001.223			
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Đại Dương Xanh	30.683.278.231		34.683.278.231	
Công ty TNHH Phương Nhật Quân	23.171.464.359		8.522.372.512	
Asian Impex Ltd	25.488.863.795		25.488.863.795	
Các khách hàng khác	56.064.843.237	4.730.064.088	34.933.984.569	0
Dài hạn	179.068.216.185	4.730.064.088	175.023.834.795	0

3. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	37.232.277.587	1.735.900.000	28.595.790.691	1.735.900.000
Global Posco Co.,Ltd	23.349.751.287		23.349.751.287	
Công ty TNHH IPS Engineering	1.660.500.000	1.660.500.000	1.660.500.000	1.660.500.000
Công ty Cổ phần quốc	6.402.136.709		1.020.513.318	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tế Tavina				
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Xuất nhập khẩu Tiến Phát	2.652.521.785			
Các đối tượng khác	3.167.367.806	75.400.000	2.565.026.086	75.400.000
Dài hạn	37.232.277.587	1.735.900.000	28.595.790.691	1.735.900.000

4. PHẢI THU KHÁC

a. Phải thu ngắn hạn khác:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	23.949.000	7.180.000
Ký quỹ, ký cược	320.307.004	170.307.004
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	0	11.248.000.000
Cộng	344.256.004	11.425.487.004

b. Phải thu dài hạn khác:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác		
Cộng	0	0

5. NỢ XẤU

<i>Phải thu khách hàng</i>	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
Công Ty TNHH TMDV Thép Đại Thành Phát	2.260.582.089		2.260.582.089	
Công Ty CP TSC Hà Nội	519.868.800		519.868.800	
Công Ty TNHH TM và KK Minh Hiếu	460.224.740		460.224.740	
Công Ty TNHH SX TM Lâm Quan Thanh	421.548.384		421.548.384	
Công Ty CP Vật Liệu Hàn Thiệp Phúc	189.262.427		189.262.427	
Công nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm				
Công ty TNHH Cơ khí chính xác Tân Minh Ngọc	43.240.144		43.240.144	12.972.041
Các đối tượng khác	22.647.814	6.794.343		
Công nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm				
Công ty cổ phần Đức Dương	443.864.265	133.159.278		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Phải thu khách hàng</i>	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Việt Nam			443.864.265	221.932.133
Asian Impex Ltd	25.488.863.795	25.488.863.795	25.488.863.795	25.488.863.795
Công ty TNHH Cơ khí thiên Phú	102.576.224	51.288.112		
Công ty TNHH sản xuất và thương mại thiết bị công nghiệp Việt Nhật	49.999.999	24.999.999		
Các đối tượng khác	4.909.596	2.454.796		
Trả trước cho người bán				
Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
Công ty TNHH IPS ENGINEERING	1.660.500.000		1.660.500.000	
Công ty Chứng khoán quốc tế Hoàng Gia	33.000.000		33.000.000	
Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	22.000.000		22.000.000	
Công ty TNHH tư vấn quản lý và phát triển doanh nghiệp	20.400.000		20.400.000	
<i>Công nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>				
Global Posco Co.,Ltd	23.349.751.287	23.349.751.287	23.349.751.287	23.349.751.287
Cộng	55.093.239.564	49.057.311.610	54.913.105.931	49.073.519.256

6. HÀNG TỒN KHO

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đi đường đầu năm			7.548.019.276	
Nguyên liệu, vật liệu	783.556.147		942.435.644	
Công cụ, dụng cụ	67.529.194		80.681.767	
Thành phẩm	1.836.020.391		2.131.843.376	
Hàng hóa	346.834.701.515	(12.796.036.762)	288.336.627.095	
Cộng	349.521.817.247	(12.796.036.762)	299.039.607.158	

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	212.956.960	144.158.603
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng		
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác		
Cộng	212.956.960	144.158.603

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	508.077.856	585.127.256
Chi phí sửa chữa		37.529.126
Các chi phí trả trước dài hạn khác		
Cộng	508.077.856	622.656.382

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phường Chi Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền cộ quản lý	Thiết bị, dụng cụ quản lý khác	Tài sản cố định Cộng
Nguyên giá	67.536.703.854	55.015.464.131	6.945.362.727	293.308.980	130.764.633.245
Số đầu năm	100.434.400	1.419.410.520		973.793.553	1.519.844.920
Tăng trong kỳ (tăng do mua sắm)		(14.850.804.792)			(14.850.804.792)
Giảm trong kỳ (giảm do thanh lý TSCĐ)	67.637.138.254	41.584.069.859	6.945.362.727	293.308.980	117.433.673.373
Số cuối kỳ					
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn	19.683.883.466	42.626.506.225	5.954.444.888	293.308.980	69.062.453.559
Số đầu kỳ	2.106.305.652	2.476.102.836	592.173.126	70.422.534	5.245.004.148
Khấu hao		(6.656.255.466)			(6.656.255.466)
Giảm khấu hao	21.790.189.118	38.446.353.595	6.546.618.014	293.308.980	67.651.202.241
Số cuối kỳ					
Giá trị còn lại	47.852.820.388	12.388.957.906	990.917.839	-	61.702.179.686
Số đầu kỳ	45.846.949.136	3.137.716.264	398.744.713	399.061.019	49.782.471.132
Số cuối kỳ					

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá	Số cuối kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	Số đầu năm
Nguyên giá	56.654.844.987			56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất (*)	56.654.844.987			56.654.844.987
Giá trị hao mòn				
- Quyền sử dụng đất				
Giá trị còn lại	56.654.844.987			56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất	56.654.844.987			56.654.844.987

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất thừa đất số 197. tờ bản đồ số 79 tại Đà Nẵng . diện tích 1052.2 m2 (1)	31.581.783.000		31.581.783.000
Quyền sử dụng đất thừa đất số 99. tờ bản đồ số 61 tại Đà Nẵng . diện tích 2002.9 m2 (2)	25.073.061.987		25.073.061.987
Cộng	56.654.844.987		56.654.844.987

- (1) Là quyền sử dụng thừa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (Nay là thừa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2020. Diện tích: 1052,2 m². Mục đích sử dụng: Đất ở kết hợp thương mại, dịch vụ, du lịch. Thời hạn sử dụng: lâu dài.
- (2) Là quyền sử dụng thừa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (Nay là thừa đất số 99 tờ bản đồ số 61) tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Ngọc Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011. Diện tích: 2002,9 m². Mục đích sử dụng: Đất tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết</i>	53.003.533.569		53.003.533.569	
Công ty CP Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	53.003.533.569		53.003.533.569	
Cộng	53.003.533.569		53.003.533.569	

Tại thời điểm 30/09/2022. Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh nắm giữ 4.500.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Ngắn hạn	150.936.950.720	150.936.950.720	107.056.544.423	107.056.544.423
Công ty cổ phần thép sài gòn	13.382.404.343	13.382.404.343	7.583.521.361	7.583.521.361
Công ty TNHH Marubeni-itochu steel Việt Nam	29.573.988.867	29.573.988.867	29.419.096.164	29.419.096.164
Công ty cổ phần EVERLAND Phú Yên	58.131.816.219	58.131.816.219	57.842.537.221	57.842.537.221
Công ty cổ phần đầu tư Xuân Đài Bay	27.710.228.058	27.710.228.058		
Công ty TNHH Tư Vấn và Thương Mại Đại Phát	8.904.834.813	8.904.834.813		
Các đối tượng khác	13.233.678.420	13.233.678.420	12.211.389.677	12.211.389.677
Dài hạn	150.936.950.720	150.936.950.720	107.056.544.423	107.056.544.423

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp	Số cuối kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		23.829.364	405.641.399	405.641.399		23.829.364
Thuế xuất. nhập khẩu		33.137.301	203.928.570	203.928.570		33.137.301

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế và các khoản phải nộp	Số cuối kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.936.912.608		4.411.563.761	2.169.328.037	12.694.676.884	
Thuế thu nhập cá nhân	1.417.455.305		1.010.534.480	854.000	407.851.825	
Thuế nhà đất	574.357.600		625.630.600	338.401.800	287.128.800	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	559.015.915		126.859.410	4.000.000	436.156.505	
Cộng	17.487.741.428	56.966.665	6.784.158.220	3.122.153.806	13.825.737.014	56.966.665

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Bán hàng hóa, dịch vụ	8%
Bán hàng hóa, dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

a. Chi phí phải trả ngắn hạn:

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	95.815.538	255.388.716

b. Chi phí phải trả ngắn hạn khác:

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	1.456.000	32.175.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	66.836.000	305.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	39.216.114.680	
Cộng	39.284.406.680	32.480.000

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phường Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay ngắn hạn ngân hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	143.572.894.760	143.572.894.760	211.921.563.968	211.921.563.968
Vay ngắn hạn	143.572.894.760	143.572.894.760	211.096.563.968	211.096.563.968
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)	0	0	119.957.275.587	119.957.275.587
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	115.363.519.760	115.363.519.760	91.139.288.381	91.139.288.381
Ngân hàng Viettinbank - CN Thành An (3)				
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Điện Biên Phủ(4)	21.250.000.000	21.250.000.000		
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP bank)	5.000.000.000	5.000.000.000		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.959.375.000	1.959.375.000	825.000.000	825.000.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.959.375.000	1.959.375.000	825.000.000	825.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	3.506.250.000	3.506.250.000	618.750.000	618.750.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.506.250.000	3.506.250.000	618.750.000	618.750.000
Cộng	147.079.144.760	147.079.144.760	212.540.313.968	212.540.313.968

- (1) Hợp đồng tín dụng số 26/2022/HDHM-PN/SHB.112500 ngày 18/02/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 158.000.000.000 VNĐ;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép các loại;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:
 - Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội (nay là phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội) theo GCN quyền sử dụng đất số Đ 314551, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 01051/QSDĐ/753/QĐ-UBH do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 23/04/2004.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô A15 đường Vũ Ngọc Nhạ, Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Thửa đất số: 154 theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác với đất số CE 722381, số vào sổ cấp GCN: CTs 113946 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/11/2016.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô A18 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Thửa đất số: 6 theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645829, số vào sổ cấp GCN: CT01732 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quyền sử dụng đất tại Lô A17 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Thửa đất số: theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645828, số vào sổ cấp GCN: CT01731 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
 - Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con nhãn hiệu HINO, số loại: FL8JTSL, màu sơn: Trắng, số khung: RNJFL8JTSFXX17213, số máy: J08EUF17309, số chỗ ngồi: 03, năm sản xuất: 2015, biển số đăng ký: 89H-008.74 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 89 004599 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 01/06/2021 cho Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh.
 - Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con, nhãn hiệu: JAGUAR, số loại: FTYPER, màu sơn: Đỏ, số khung: 67E8GMK24286, số máy: 2321394508PS, số chỗ ngồi: 02, Biển số đăng ký: 51F-736.41, theo đăng ký xe ô tô số 187740 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/07/2016, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2016.
 - Quyền sử dụng đất tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 940241, số Quyết định: 7222/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH03082 do UBND huyện Từ Liêm (cũ), thành phố Hà Nội cấp ngày 04/11/2013
 - Căn hộ chung cư số 1402A, diện tích: 159m² theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 960461, số QĐ: 1847/QĐ-UBND, số cấp vào sổ GCN: CH00418 do UBND quận Nam Từ Liêm thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2014.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô A16 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645827, số vào sổ cấp GCN: CT01729 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô B4.1-5, Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà – Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645940, số vào sổ cấp GCN: CT01829 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô B4.3-18, Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà – Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645933, số vào sổ cấp GCN: CT01787 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010.
 - Bất động sản tại TT4.11, khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Ngân hàng BIDV) theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 410567, số vào sổ cấp GCN: CS 59399 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/10/2021.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 18925.22.070.7325030.TD ngày 28/04/2022 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VNĐ;
 - Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép, inox (Không bao gồm thép phế liệu);

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thời hạn hợp đồng: Từ 28/04/2022 đến 25/04/2023;
- Lãi suất cho vay: theo văn bản nhận nợ với Ngân hàng MB;
Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:
- Quyền sử dụng đất gắn liền trên đất là công trình Nhà kho tại địa chỉ xã Phùng Chí Kiên – huyện Mỹ Hào – tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo GCN quyền sử dụng đất số BD561470 do UBND Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 18/11/2011.

(3) Hợp đồng tín dụng số 130822-6340177-01-SME ngày 05/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) và Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VNĐ
- Hạn mức không tài sản đảm bảo tối đa 15.000.000.000 VNĐ
- Thời hạn: 12 tháng
- Lãi suất cho vay: Theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng VP bank

(4) Hợp đồng thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29/8/2019 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Loại tài sản: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton, nhãn hiệu AMADA, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 2010, chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo.
- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ đã bao gồm VAT, số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ;
- Tổng giá trị nợ gốc: 3.300.000.000 VNĐ;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất cho thuê: Áp dụng cụ thể tại thời điểm giải ngân;
- Số dư nợ gốc còn phải trả: 412.500.000 VNĐ;

Hợp đồng thuê tài chính số 196.22.04/CTTC ngày 13/06/2022 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Loại tài sản: Máy cắt xén thép cuộn điều khiển số, gia công thép, Model: PI – 2008, hiệu Pilot, xuất xứ Hàn Quốc, tình trạng đã qua sử dụng;
- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp;
- Tổng giá trị tài sản: 8.850.113.290 VNĐ đã bao gồm VAT, số tiền trả trước 3.900.113.290 VNĐ;
- Tổng giá trị nợ gốc: 4.950.000.000 VNĐ;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất cho thuê: Áp dụng cụ thể tại thời điểm giải ngân;
- Số dư nợ gốc còn phải trả: 4.640.625.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	280.499.680.000	78.660.979.450	359.160.659.450
Lợi nhuận Quý III	-	7.319.554.250	7.319.554.250
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	280.499.680.000	85.980.533.700	366.480.213.700

b) Cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.049.968	28.049.968
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu phổ thông	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu phổ thông	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa	755.197.695.324	827.703.645.767
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.104.804.275	5.127.607.143
Doanh thu khác	3.817.370.097	857.663.638
Cộng	765.119.869.696	833.688.916.548

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
Hàng bán bị trả lại	-	171.840.335
Giảm giá hàng bán	-	18.253.760
Cộng	-	190.094.095

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
Giá vốn của hàng hóa đã bán	721.839.831.735	759.061.689.255
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.780.612.849	6.876.232.385
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán	733.213.905.567	765.937.921.640
Cộng		

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
Lãi tiền gửi ngân hàng	62.731.577	79.193.763
Giảm lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá sai năm trước		
Lãi chuyển nhượng cổ phần		
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	62.731.577	79.193.763
Cộng		

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
Chi phí lãi vay	15.497.795.268	12.630.579.139
Giảm lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá sai năm trước		434.906.297
Lỗ chênh lệch tỷ giá		
Giảm lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá sai năm		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phường Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
	trước		
	Lãi chậm trả		
	Cộng	15.497.795.268	13.065.485.436
21.	CHI PHÍ BÁN HÀNG		
	Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
	Chi phí cho nhân viên	528.575.000	532.014.000
	Chi phí dụng cụ, đồ dùng		2.080.808
	Chi phí nguyên vật liệu	25.069	1.215.839
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	335.179.863	352.531.701
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.408.951	121.318.333
	Chi phí bằng tiền khác	447.476.949	254.140.037
	Cộng	1.450.665.832	1.263.300.718
22.	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
	Chi phí cho nhân viên	1.207.833.000	905.440.000
	Chi phí đồ dùng văn phòng	42.369.231	15.420.049
	Chi phí công cụ dụng cụ		
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	448.978.754	579.654.216
	Thuế, phí và lệ phí	16.590.545	17.901.192
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	229.824.425	6.000.001
	Chi phí bằng tiền khác	2.292.391.443	2.365.824.632
	Trích lập dự phòng	11.460.379	506.798.029
	Hoàn nhập dự phòng		
	Cộng	4.249.447.777	4.397.038.119
23.	THU NHẬP KHÁC		
	Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
	Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		
	Linh kiện được khuyến mại		
	Xử lý công nợ		
	Thủ nhập khác	8.204.561.407	73.459.040
	Cộng	8.204.561.407	73.459.040
24.	CHI PHÍ KHÁC		
	Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
	Tiền phạt thuế, phí lệ phí		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
Chi phí khác	8.674.604.440	252.579.361
Chi phí khấu hao, chi phí không hợp lệ		
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		276.557.755
Cộng	8.674.604.440	529.137.116

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Lũy kế quý III năm 2022	Lũy kế quý III năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.385.554.250	38.650.100.773
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	28.049.968	25.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	263	1.515

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lập ngày 19 tháng 10 năm 2022



Người lập biểu
Đoàn Thị Bình



Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng



Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch HĐQT

